TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HẬU LỘC **Tỉnh Thanh Hóa**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:61/2023/HNGĐ-ST
Ngày 27/4/2023.
V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HẬU LỘC, TỈNH THANH HÓA

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Bà Cao Thị Nga.
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Thư.
Ông Trịnh Tiến Thanh

Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Chuyên - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện Hậu Lộc, tỉnh Thanh Hóa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hậu Lộc, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Bằng - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 4 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hậu Lộc, tỉnh Thanh Hóa xét xử công khai sơ thẩm vụ án thụ lý số 10/2023/TLST- HNGĐ ngày 02 tháng 02 năm 2023 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 14/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 31/03/2023; Quyết định hoãn phiên tòa số 19/2023/QĐTS-HNGĐ ngày 12/4/2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Phạm Thị L, sinh năm 1997. Có mặt
Địa chỉ: Thôn M, xã M, huyện H, tỉnh Thanh Hóa.

Bị đơn: Anh Nguyễn Đ, sinh năm 1997. Có đơn xin xét xử vắng mặt.
Địa chỉ: Thôn M, xã M, huyện H, tỉnh Thanh Hóa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 01/01/2023, bản tự khai ngày 10/02/2023 và lời khai tại phiên tòa của nguyên đơn chị Phạm Thị L thể hiện như sau:

Về hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Đình H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, được hai bên gia đình tổ chức cưới và UBND xã M, huyện H cấp đăng ký kết hôn năm 2019. Sau khi cưới vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc với nhau đến tháng 6/2022 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do trong thời gian chung sống với nhau vợ chồng nhận thấy không hiểu nhau nên thường xuyên bất đồng quan điểm dẫn đến việc cải nhau, tình cảm vợ chồng dạn nứt nên chị đã làm đơn ly hôn, sau khi được Toà án hoà giải chị đã rút đơn về để vợ chồng đoàn tụ, nhưng chỉ được một thời gian ngắn thì mâu thuẫn vợ chồng lại xảy ra, chị đã về nhà bố mẹ đẻ ở từ tháng 11/2022 cho đến nay. Trong thời gian vợ chồng sống ly thân hai bên gia đình không

có ý kiến gì về việc vợ chồng sống ly thân, hai người cũng không quan tâm đến nhau nữa, tình cảm dạn nứt không thể hàn gắn được. Nay chị xét thấy vợ chồng không còn khả năng hàn gắn đoàn tụ được nữa vì tình cảm giữa chị với anh H không còn nên chị đề nghị Toà án giải quyết cho chị được ly hôn anh H.

Về con: Chị và anh Nguyễn Đình H có một con chung là Nguyễn Tú A, sinh ngày 27/3/2020. Hiện nay cháu còn nhỏ nên nguyện vọng của chị được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con, do chị hiện nay đang làm spa nên thu nhập ổn định, đảm bảo cuộc sống của con, chị không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản và công nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo bản tự khai ngày 10/02/2023, quá trình giải quyết vụ án của bị đơn anh Lê Đình H thể hiện như sau:

Về hôn nhân: Anh và chị Phạm Thị L kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn do UBND xã M cấp năm 2019. Sau khi cưới vợ chồng chung sống hoà thuận, hạnh phúc. Nguyên nhân chị L làm đơn ly hôn là do vợ chồng bất đồng quan điểm, dẫn tới tình cảm vợ chồng dạn nứt. Tháng 6/2022 chị L đã làm đơn ly hôn sau đó rút đơn vợ chồng trở về đoàn tụ được một thời gian đến tháng 11/2022 vợ chồng lại mâu thuẫn nên chị L bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở cho đến nay không quay về chung sống với anh nữa. Trong thời gian vợ chồng sống ly thân bố mẹ anh có mời bố mẹ chị L đến để hai bên gia đình nói chuyện hoà giải cho hai vợ chồng đoàn tụ nhưng bố mẹ chị Linh không đến, chị L cũng không quay về chung sống cùng anh nữa. Nay chị L lại tiếp tục làm đơn ly hôn anh xét thấy tình cảm vợ chồng đang còn nên đề nghị Toà án hoà giải để vợ chồng trở về đoàn tụ, chăm sóc con, vì con hiện nay còn nhỏ.

Về con: Anh và chị L có một con chung là Nguyễn Tú A, sinh ngày 27/3/2020. Từ khi vợ chồng sống ly thân cháu Tú A ở với anh và ông bà nội, nếu ly hôn nguyện vọng của anh là được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con, không yêu cầu chị Linh cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản và công nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Biên bản xác minh tại thôn M và UBND xã M ngày 31/3/2023 thể hiện: Chị L và anh H kết hôn với nhau do hai bên tự nguyện, cưới có đăng ký kết hôn tại UBND xã M. Trong quá trình chung sống không thấy vợ chồng xảy ra mâu thuẫn gì. Năm 2022 chị L đã làm đơn xin ly hôn anh H một lần sau đó vợ chồng lại trở về đoàn tụ. Hiện nay chị L đã về nhà bố mẹ đẻ ở, khi vợ chồng xảy ra mâu thuẫn hai bên không đề nghị ban thôn và chính quyền địa phương hòa giải nên không nắm rõ được nguyên nhân; chị L và anh H có một con chung hiện nay đang ở với chị L.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hậu Lộc tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã tuân thủ đầy đủ, đảm bảo trình tự, thủ tục từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm hội đồng xét xử nghị án, người

tham gia tố tụng đã được thực hiện đầy đủ, đảm bảo đúng các quyền, nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 51, 56, 58, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và Gia đình.

Về hôn nhân: Chị Phạm Thị L được ly hôn anh Nguyễn Đình H.

Về con: Giao cho chị L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Nguyễn Tú A, sinh ngày 27/3/2020, anh H không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản và công nợ: Chị L và anh H không yêu cầu giải quyết.

Về án phí: Chị Phạm Thị L phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Chị Phạm Thị L khởi kiện về việc ly hôn anh Nguyễn Đình H hiện nay cư trú tại xã M, huyện H, tỉnh Thanh Hóa. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện Hậu Lộc.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị L và anh Nguyễn Đình H kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, được UBND xã M, huyện H cấp Giấy chứng nhận kết hôn năm 2019, như vậy hôn nhân giữa chị L và anh H là hôn nhân hợp pháp.

Xét nguyên nhân mâu thuẫn giữa chị L và anh H: Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc. Trong quá trình chung sống vợ chồng xảy ra mâu thuẫn; nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm dẫn đến việc cải nhau, tình cảm vợ chồng dạn nứt. Tháng 6/2022 chị đã làm đơn ly hôn sau đó rút đơn vợ chồng đoàn tụ nhưng chỉ được một thời gian ngắn lại xảy ra mâu thuẫn, chị đã về nhà bố mẹ đẻ ở từ tháng 11/2022 cho đến nay, do tình cảm vợ chồng ngày càng dạn nứt và không có khả năng hàn gắn được nữa. Chị L làm đơn ly hôn vì xét thấy tình cảm thực sự không còn, anh H không đồng ý ly hôn và mong muốn vợ chồng quay trở về đoàn tụ, nuôi dạy con cái. Quá trình giải quyết Tòa án đã hòa giải nhiều lần nhưng chị L vẫn cương quyết xin ly hôn, anh H cũng không có giải pháp nào để khắc phục tình trạng mâu thuẫn vợ chồng. Xét thấy mâu thuẫn giữa chị L và anh H đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, yêu cầu xin ly hôn của chị L là có căn cứ và phù hợp với tình trạng thực tế hôn nhân hiện nay nên Hội đồng xét xử chấp nhận đơn của chị L xử cho chị L được ly hôn anh H.

[3] Về con: Chị Phạm Thị L và anh Nguyễn Đình H có 01 con chung là Nguyễn Tú A, sinh ngày 27/3/2020. Quá trình giải quyết vụ án cả chị L và anh H đều có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con, xét nguyện vọng

được trực tiếp nuôi con của hai bên là chính đáng; tuy nhiên hiện nay cháu Tú A đang còn nhỏ tuổi cần sự chăm sóc của người mẹ; mặt khác hiện nay chị làm spa thu nhập ổn định hàng tháng khoảng 7.000.000 đồng, anh H nghề nghiệp lao động tự do, Tòa án yêu cầu anh chứng minh thu nhập hàng tháng nhưng anh không cung cấp cho Tòa án, nên thực tế hiện nay chị L có khả năng đảm bảo cuộc sống cho cháu Tú A hơn anh H; do đó giao cháu Tú A cho chị L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp với quy định của pháp luật, anh H có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

[4] Về việc cấp dưỡng nuôi con chung: Quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa chị L không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

[5] Về tài sản và công nợ: Chị Phạm Thị L và anh Nguyễn Văn H đều xác định vợ chồng không có tài sản, công nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[6] Về tố tụng: Anh Nguyễn Đình H có đơn xin xét xử vắng mặt, do đó Tòa án xét xử vắng mặt theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

[7] Về án phí: Buộc chị Phạm Thị L phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 228; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 58; Điều 81; Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình.

Điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử**:** Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Phạm Thị L.

Về hôn nhân: Chị Phạm Thị L được ly hôn anh Nguyễn Đình H.

Về con: Chị Phạm Thị L và anh Nguyễn Đình H có một con chung là Nguyễn Tú A, sinh ngày 27/3/2020. Giao cho chị L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Nguyễn Tú A; anh Nguyễn Đình H có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, chị L và các thành viên trong gia đình không ai được cản trở. Chị Phạm Thị L không yêu cầu anh Nguyễn Đình H cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản và công nợ: Chị L và anh H không yêu cầu giải quyết.

Án phí: Chị Phạm Thị L phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/0005177 ngày 02 tháng 02 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hậu Lộc. (Chị L đã thi hành xong).

Quyền kháng cáo: Nguyên đơn chị Phạm Thị L được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn anh Nguyễn Đình H được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận Thi hành án. Quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Thanh Hoá;
- VKSND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND huyện Hậu Lộc
- Chi cục THADS huyện Hậu Lộc;
- UBND xã M;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Cao Thị Nga